TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:10/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25/10/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân Anh
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Phượng
2. Bà Lò Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Khắc Huân -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông: Lê Văn Khánh - Kiểm sát viên

Ngày 25/10/2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2018/TLST - HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/QĐST - HNGD ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1971
Nơi ĐKHKTT: Bản P, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu.
Tạm trú tại: Bản C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

***Bị đơn*:** Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1973
Nơi ĐKHKTT: Bản C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Hiện đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn Trại giam Hồng Ca, địa chỉ: Thôn 8, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các Biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2004 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu, trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên

một thời gian sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, nguyên nhân là do ông T không chịu khó làm ăn mà lại ăn chơi đua đòi và bị nghiện chất ma túy, mặc dù bà cùng gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng ông T không nghe. Đến tháng 9/2008 ông T bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu tuyên phạt 15 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy và phải đi chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Hồng Ca, tỉnh Yên Bái, từ đó bà và ông T sống ly thân. Nay nhận thấy bà không còn tình cảm vợ chồng với ông T, không thể chờ đợi và tiếp tục sống chung với ông T được nữa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 01/12/2004, hiện đang sống với bà H, sau khi ly hôn do ông T đang phải chấp hành hình phạt tù nên bà sẽ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trong biên bản lấy lời khai, phiên hòa giải cùng ngày 13/6/2018 tại Trại giam Hồng Ca và trong đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Ông và bà H kết hôn từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2008 ông bị kết án 15 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Ông nhận thấy đến nay vẫn còn tình cảm với bà H nên việc bà H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông, ông không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà H có 01 con chung là Nguyễn Văn Q như bà H trình bày, nếu phải ly hôn do bản thân đang phải chấp hành hình phạt tù nên ông đồng ý để bà H tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Hiện ông không thể cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của con chung: Cháu Nguyễn Văn Q trong biên bản ghi lời khai ngày 19/6/2018 trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Kết quả xác minh tại bản C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu trong các biên bản ngày 12/6/2018 cho thấy: vợ chồng ông T, bà H trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thậm chí có xảy ra xô xát, đánh nhau. Năm 2008 anh T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và phải đi chấp hành hình phạt 15 năm tù.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng

mặt ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 51, 54, 57, 69, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T: bà H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 01/12/2004 cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000^{đ} án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Bị đơn trong vụ án đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Hồng Ca (thôn 8, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái), tuy nhiên ông T có nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu. Do đang phải chấp hành hình phạt tù nên tại biên bản ghi lời khai ngày 13/6/2018 ông T đề nghị Tòa án không triệu tập mình đến Tòa án làm việc nữa. Ngày 27/9/2018 Tòa án nhân dân huyện Tam Đường đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông T không có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 19/11/2004 bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu trên cơ sở hai bên tự nguyện. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai ông bà là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống ông T và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T nghiện chất ma túy, dẫn đến giữa hai vợ chồng xảy ra xô xát, đánh nhau

điều đó chứng tỏ giữa vợ chồng không tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự cho nhau... vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng. Hơn nữa, vì vi phạm pháp luật ông T còn bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu tuyên phạt 15 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại bản án số 95/2008/HSST ngày 01/9/2008, ông T phải đi chấp hành án. Từ đó đến nay hai vợ chồng không thể cùng nhau giúp đỡ, vun vén hạnh phúc gia đình, chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến nay, bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn T là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[3]. Về việc nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 01/12/2004. Trong các biên bản hòa giải bà H ông T thỏa thuận: bà H sẽ tiếp tục được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, hơn nữa cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Q nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 51, 54, 57, 69, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Áp dụng thêm Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T: bà H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 01/12/2004 cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000^{đ} án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số

000311, ngày 11 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tam Đường;
- Chi cục THADS huyện Tam Đường;
- UBND xã B, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hoàng Thị Vân Anh